

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

Bản án số: 26/2023/HS-ST
Ngày: 16-01-2023

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Tuyền

Bà Lê Thị Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải -Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2022/TLST - HS ngày 30 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST - HS ngày 05 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn L (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1988 tại tỉnh Nam Định; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản N, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Đình L, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1960; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 (là bị cáo trong vụ án); Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/10/2022, tạm giam từ ngày 17/10/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu (Có mặt).

2. Nguyễn Thị T (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1990 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản N, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Viên chức trường P tỉnh Lai Châu; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Xuân T, sinh năm 1966 và bà Trần Thị L, sinh năm 1966; Chồng: Trần Văn L, sinh năm 1988 (là bị cáo trong vụ án); Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/10/2022 đến ngày 17/10/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm

đi khỏi nơi cư trú từ đó đến nay (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Đinh Trọng N, sinh năm 1995-Trú tại: Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

2. Ông Đinh Văn Th, sinh năm 1982- Trú tại: Bản S, xã SP, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

3. Bà Đỗ Thị X, sinh năm 1983 - Trú tại: Bản S, xã SP, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Anh Hàng A S, sinh năm 1994-Trú tại: Bản C, xã SP, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

2. Bà Hồ Thị Hải A, sinh năm 1985-Trú tại: Tổ 12, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

3. Ông Võ Quyết T, sinh năm 1983-Trú tại: Tổ 02, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

4. Ông Vũ Hồng T1, sinh năm 1970-Trú tại: Tổ 08, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Năm 2022, quá trình hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ tại địa chỉ số nhà 290A đường N, bản N, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu, Trần Văn L và Nguyễn Thị T đã cho một số cá nhân trên địa bàn tỉnh Lai Châu vay tiền lãi suất từ 3.000 đồng đến 7.142 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày, tương ứng lãi suất năm từ 109,5% đến 260,72%, cao gấp từ 5,48 lần đến 13,04 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự nhằm mục đích thu lợi bất chính. Kết quả điều tra xác định Trần Văn L 03 lần thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, trong đó 01 lần Trần Văn L cùng Nguyễn Thị T thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 13/01/2022, bà Đỗ Thị X nói chuyện với L đang cần tiền mua dầu phục vụ chạy máy móc công trình nên muốn vay gia đình L số tiền 200.000.000 đồng, L đồng ý. Cùng ngày L cùng T đến trụ sở Công ty Th, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu gặp ông Đinh Văn Th (chồng X) và X để nói chuyện. Tại đây, L và T đã đồng ý cho ông Th, bà X vay số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. L bảo T lo tiền để cho vay, T đồng ý. T đưa cho X 40.000.000 đồng tiền mặt, T gọi điện hỏi vay 60.000.000 đồng của bà Hồ Thị Hải A và cung cấp tài khoản Ngân hàng nông nghiệp số 7806555556*** của bà X để bà A chuyển tiền, tổng số tiền L và T cho ông Th, bà X vay ngày

13/01/2022 là 100.000.000 đồng. Đến ngày 14/01/2022, T tiếp tục vay của bà A 100.000.000 đồng để chuyển khoản cho bà X vay, tổng cộng trong 02 ngày 13 và 14/01/2022 T đã chuyển cho ông Th, bà X vay 200.000.000 đồng. T ghi sổ và bắt đầu tính lãi khoản vay này từ ngày 14/01/2022 với mức lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày theo như thỏa thuận từ trước. Ngày 03/7/2022, bà X báo T chốt số tiền lãi, T chốt số ngày vay là 171 ngày, số tiền lãi là 102.600.000 đồng, tiền gốc là 200.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 302.600.000 đồng và báo cho bà X biết, X nhất trí với việc chốt tiền lãi và tiền gốc của T. Tuy nhiên, do tiền công trình về không đủ nên bà X, ông Th chưa trả tiền gốc vay và lãi đối với khoản vay này, đồng thời thỏa thuận chỉ tính lãi đến ngày 03/7/2022, T đồng ý, sau đó T đã nói lại cho L biết.

Như vậy, *Trần Văn L và Nguyễn Thị T đã 01 lần cho ông Đinh Văn Th, bà Đỗ Thị X vay 200.000.000 đồng trong thời gian 171 ngày (từ ngày 14/01/2022 đến ngày 03/7/2022) với lãi suất 109,50%/năm, gấp 5,48 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự nhằm mục đích thu 102.600.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất L, T được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền 18.739.726 đồng, nên số tiền mà các bị cáo nhằm thu lợi bất chính khi cho ông Th, bà X vay lãi nặng là: 102.600.000 đồng - 18.739.726 đồng = 83.860.274 đồng.*

*Lần thứ hai: Ngày 03/7/2022, Đinh Trọng N gặp Trần Văn L thế chấp 01 chiếc xe mô tô BKS 25B1 - 896.03 của N, kèm theo giấy đăng ký xe để vay của L 10.000.000 đồng, L đồng ý. L đưa 5.000.000 đồng tiền mặt cho N và bảo Nguyễn Thị T chuyển 5.000.000 đồng đến số tài khoản BIDV số 36210000348*** của N (L không nói cho T biết việc cho vay tính lãi của mình đối với N). Ngày 09/7/2022, Đinh trọng N đến lấy xe và giấy tờ đã thế chấp, L tính tiền lãi 500.000 đồng, sau đó N đã chuyển cho L lãi và gốc số tiền 10.500.000 đồng vào tài khoản BIDV số 36210000336*** của L.*

Như vậy, Trần Văn L đã cho anh Đinh Trọng N vay 10.000.000 đồng trong thời gian 07 ngày (từ ngày 03/7/2022 đến ngày 09/7/2022) với lãi suất 260,72%/năm, gấp 13,04 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự để thu 500.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất Trần Văn L được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền 38.356 đồng, nên số tiền mà bị cáo Trần Văn L thu lợi bất chính khi cho anh Đinh Trọng N vay lãi nặng là: 500.000 đồng - 38.356 đồng = 461.644 đồng.

*Lần thứ ba: Ngày 23/7/2022, Đinh Trọng N cùng anh Hàng A S điều khiển xe ô tô Mazda 3, màu trắng, biển kiểm soát 24A-052.30 đến nhà Trần Văn L. Tại nhà L, N đặt vấn đề vay số tiền 200.000.000 đồng dưới hình thức thế chấp xe ô tô biển kiểm soát 24A-052.30 của N, L đồng ý cho vay và thỏa thuận với N lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày trở lên. Do không có đủ tiền L thỏa thuận sẽ cho N vay trước 100.000.000 đồng, N đồng ý. Sau đó, L chuyển khoản từ số tài khoản 36210000336*** đến số tài khoản ngân hàng BIDV số 36210000348*** của Đinh*

Trọng N số tiền 80.000.000 đồng và đưa cho N 20.000.000 đồng tiền mặt. N giao chiếc xe ô tô trên và giấy tờ kèm theo gồm đăng ký, đăng kiểm, hợp đồng mua bán xe (*có chứng thực của Đình Trọng N và chủ cũ*) để L giữ rồi N và S đi về. Ngày 24/7/2022, N tiếp tục đến nhà L để vay thêm tiền, L tiếp tục chuyển khoản cho N vay số tiền 100.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày trở lên, tài sản thế chấp vẫn là chiếc xe ô tô trên của N.

Quá trình cho vay, L và N thống nhất bắt đầu tính lãi khoản vay 200.000.000 đồng từ ngày 24/7/2022. Khi tính lãi xong, L nhắn tin hoặc gọi điện thoại cho N để N trả lãi, N đồng ý và chuyển tiền lãi vào tài khoản ngân hàng BIDV số 36210000336*** theo yêu cầu của L. Các lần trả lãi cụ thể như sau: ngày 30/7/2022 trả 7.000.000 đồng; ngày 23/8/2022 trả 13.200.000 đồng; ngày 10/9/2022 trả 20.000.000 đồng; ngày 28/9/2022 trả 18.000.000 đồng và thỏa thuận với L ngày 07/10/2022 sẽ trả L tiền gốc 200.000.000 đồng, từ ngày 29/9/2022 đến ngày 07/10/2022 không tính lãi, L đồng ý. Ngày 07/10/2022, N đã trả cho L số tiền gốc 200.000.000 đồng đã vay.

Như vậy, Trần Văn L đã cho anh Đình Trọng N vay 200.000.000 đồng trong thời gian 67 ngày (từ ngày 24/7/2022 đến ngày 28/9/2022) với lãi suất 158,53%/năm, gấp 7,93 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, để thu 58.200.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất Trần Văn L được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền 7.342.466 đồng, nên số tiền mà Trần Văn L thu lợi bất chính khi cho anh N vay lãi nặng là: 58.200.000 đồng - 7.342.466 đồng = 50.857.534 đồng.

Toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi thu được khi cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vay lãi nặng, các bị cáo Trần Văn L, Nguyễn Thị T đều sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Đối với 02 quyển vở mà Cơ quan điều tra thu giữ là những tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 plus là của bị cáo Trần Văn L dùng để thực hiện hành vi phạm tội; đối với số tiền 51.320.000 đồng gia đình bị cáo L tự nguyện nộp lại trong quá trình điều tra là tiền thu lợi bất chính khi bị cáo L cho anh Đình Trọng N vay; còn lại 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda, biển kiểm soát 24A - 052.30 kèm theo chìa khóa xe và giấy tờ xe là của anh N thế chấp L khi vay tiền.

Trong quá trình điều tra, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đình Văn Th, bà Đỗ Thị X và anh Đình Trọng N trình bày: Thời gian, số tiền vay, số tiền lãi, số tiền N đã trả, số tiền Th và X chưa trả phù hợp với lời khai của các bị cáo.

Trong quá trình điều tra, người làm chứng Hàng A S, Hồ Thị Hải A, Võ Quyết T, Vũ Hồng T1 trình bày phù hợp với lời khai của các bị cáo.

Đối với Hồ Thị Hải A là người cho Nguyễn Thị T vay tiền vào ngày 13, 14/01/2022. Sau đó T và L đã dùng số tiền vay được cho ông Đinh Văn Th, bà Đỗ Thị X vay lãi nặng. Kết quả điều tra xác định A không biết việc T dùng tiền vay được để cho vay lãi nặng. Do vậy Hồ Thị Hải A không đồng phạm với Nguyễn Thị T và Trần Văn L.

Đối với Võ Quyết T và Vũ Hồng T1 là người cho Trần Văn L vay tiền vào ngày 23, 24/7/2022. Kết quả điều tra xác định T và T1 không biết việc L dùng tiền vay được để cho vay lãi nặng. Do vậy T và T1 không đồng phạm với Trần Văn L.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKSLC-P1 ngày 30/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Trần Văn L về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Văn L, Nguyễn Thị T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn L từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng. Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự: Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 plus màu ghi, IMEI: 354390068728093, điện thoại cũ đã qua sử dụng; Bị cáo Trần Văn L phải trả lại cho anh Đinh Trọng N 51.320.000 đồng, xác nhận bị cáo L đã nộp đủ - hiện đang lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu; Tịch thu sung quỹ Nhà nước của Trần Văn L tổng số 217.380.822 đồng (trong đó có 210.000.000 đồng tiền gốc cho vay và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm là 7.380.822 đồng); Truy thu sung quỹ Nhà nước của ông Đinh Văn Th và bà Đỗ Thị X 200.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định nêu trên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Vì mục đích tư lợi cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 13/01/2022 đến ngày 03/7/2022 Trần Văn L và Nguyễn Thị T 01 lần cho ông Đinh Văn Th, bà Đỗ Thị X vay 200.000.000 đồng với lãi suất 109,50%/năm cao gấp 5,48 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự nhằm mục đích thu lợi bất chính 83.860.274 đồng; Từ ngày 03/7/2022 đến ngày 07/10/2022, Trần Văn L đã 02 lần cho anh Đinh Trọng N vay tổng số tiền 210.000.000 đồng với lãi suất từ 158,53%/năm đến 260,72%/năm, cao gấp từ 7,93 lần đến 13,04 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự thu lợi bất chính 51.319.178 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự đối với Trần Văn L là 135.179.452 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được việc cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo Trần Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án này thấy rằng: Các bị cáo Trần Văn L, Nguyễn Thị T đồng phạm với nhau đối với 01 lần cho vợ chồng ông Th, bà X vay tiền, đây là hình thức đồng phạm giản đơn và các bị cáo đều là người thực hành. Mục đích của các bị cáo cho ông Th, bà X vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính là 83.860.274 đồng nhưng các bị cáo chưa thu được tiền (ông Th, bà X chưa có tiền để trả) là nằm ngoài mong muốn của các bị cáo nên hành vi của các bị cáo đã hoàn thành về hành vi nhưng chưa đạt về hậu quả. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng

quy định về phạm tội chưa đạt đối với các bị cáo theo khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo Trần Văn L 03 lần thực hiện hành vi phạm tội, trong đó có 02 lần cho vay và thu lợi bất chính với số tiền 30.000.000 đồng trở lên nên bị cáo L phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Trong quá trình điều tra, bị cáo Trần Văn L đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc tố giác tội phạm khác xảy ra trên địa bàn huyện M, tỉnh Lai Châu nên Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu có Công văn số 26/CV-CSĐT ngày 10/01/2023 về việc xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo L; Gia đình bị cáo L đã nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính khi cho anh Đinh Trọng N vay là 51.320.000 đồng tại Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu; Bị cáo L có bố đẻ là ông Trần Đình L được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định tặng Bằng khen, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương mặt trận dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam tặng huy chương chiến sỹ giải phóng; Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo tự thú về hành vi phạm tội của mình, bị cáo được Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Lai Châu tặng Giấy khen. Do đó, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng có thể cho bị cáo Trần Văn L tự cải tạo tại địa phương và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo, bị cáo Nguyễn Thị T hưởng mức hình phạt nhẹ nhất của khung hình phạt là phạt tiền để các bị cáo thấy được tính nhân đạo của Nhà nước ta mà cố gắng cải tạo mình thành người công dân có ích cho xã hội.

Do đó quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Xét thấy, cần phạt bị cáo Trần Văn L với mức phạt 40.000.000 đồng; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị T vì bị cáo T đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền.

[5] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 plus màu ghi, IMEI: 354390068728093, điện thoại cũ đã qua sử dụng là của bị cáo Trần Văn L dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda, biển kiểm soát 24A - 052.30 kèm theo chìa khóa xe và giấy tờ xe mà Cơ quan điều tra thu giữ của Trần Văn L. Kết quả điều tra xác định là của anh Đinh Trọng N thế chấp L để vay tiền lãi nặng, ngày 25/11/2022 Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh N và anh N không có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với tổng số tiền bị cáo Trần Văn L thu lợi bất chính khi cho anh Đinh Trọng N vay, gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp là 51.320.000 đồng (số tiền lãi vượt quá 20%/năm) cần trả lại cho anh Đinh Trọng N theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm bị cáo Trần Văn L đã nhận của anh Đinh Trọng N là 7.380.822 đồng là tiền phát sinh từ tội phạm nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo L theo điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với tổng số tiền gốc cho anh Đinh Trọng N vay là 210.000.000 đồng, hiện anh N đã trả lại cho bị cáo Trần Văn L. Xét số tiền trên là phương tiện phạm tội nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo L theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với số tiền gốc cho ông Đinh Văn Th và bà Đỗ Thị X vay là 200.000.000 đồng, hiện ông Th và bà X chưa trả cho các bị cáo Trần Văn L và Nguyễn Thị T nên cần truy thu của ông Th, bà X số tiền trên để sung quỹ Nhà nước theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Trần Văn L.

Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Trần Văn L, Nguyễn Thị T.

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn L, Nguyễn Thị T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Trần Văn L 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/01/2023). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Trần Văn L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Phạt bị cáo Nguyễn Thị T 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Trần Văn L 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

4. Về vật chứng của vụ án:

4.1. Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 plus màu ghi, IMEI: 354390068728093, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

4.2. Bị cáo Trần Văn L phải trả lại tiền thu lợi bất chính cho anh Đinh Trọng N tổng số tiền là 51.320.000 đồng (*Năm mươi một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*). Xác nhận bị cáo đã nộp đủ - hiện đang lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh Lai Châu và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 04/01/2023).

4.3. Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Trần Văn L tổng số tiền là 217.380.822 đồng (*Hai trăm mười bảy triệu ba trăm tám mươi nghìn tám trăm hai hai đồng*), trong đó gồm 210.000.000 đồng (*Hai trăm mười triệu đồng*) tiền gốc cho Đinh Trọng N vay và 7.380.822 đồng (*Bảy triệu ba trăm tám mươi nghìn tám trăm hai hai đồng*) là tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm.

4.4. Truy thu sung quỹ Nhà nước của ông Đinh Văn Th và bà Đỗ Thị X tổng số tiền là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

5. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo

lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- UBND phường Quyết Thắng;
- Các bị cáo; Người có QL&NVLQ;
- Trại Tạm giam;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Phương